

CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

-----***-----

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*(Sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2022
thông qua ngày 05/12/2022)*

*Trụ sở: Tầng 8, Toà nhà Vimedimex Group, số 46-48 Bà Triệu, Phường Hàng
Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.*

Điện thoại: 02433502032 Fax: 02839252265

Email: vimedimex@vietpharm.com.vn Website: www.vietpharm.com.vn

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời gian hoạt động của Công ty.....	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	13
Điều 10. Thu hồi và mua lại cổ phần	13
V. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN	15
Mục 1. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG.....	15
Điều 11. Mệnh giá chứng khoán	15
Điều 12. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng	15
Điều 13. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng.....	16
Điều 14. Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.....	17
Điều 15. Điều kiện thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng.....	18
Điều 16. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.....	18
Điều 17. Bản cáo bạch.....	20
Điều 18. Báo cáo tài chính	21
Điều 19. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.....	21
Điều 20. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng	22
Mục 2. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RIÊNG LẺ.....	23
Điều 22. Chào bán chứng khoán riêng lẻ.....	23
Điều 23. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	24
Điều 24. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá	25
Điều 25. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá	25
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY.....	26
Điều 26. Cơ cấu tổ chức của Công ty	26
VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26
Điều 27. Quyền của Cổ đông	26
Điều 28. Nghĩa vụ của Cổ đông	27
Điều 29. Đại hội đồng Cổ đông	28

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông	29
Điều 31. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 32. Thay đổi các quyền.....	32
Điều 33. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đồng.....	32
Điều 34. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.....	34
Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đồng.....	34
Điều 36. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	36
Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	37
Điều 38. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	39
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.....	39
VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	40
Điều 42. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	41
Điều 43. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Điều 44. Chủ tịch Hội đồng quản trị	43
Điều 45. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	44
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	45
Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý	45
Điều 47. Cán bộ quản lý.....	46
Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành và mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	47
Điều 49. Người phụ trách quản trị công ty	49
X. BAN KIỂM SOÁT.....	50
Điều 50. Thành viên Ban kiểm soát	50
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát	50
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	50
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát	51
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	51
XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	52
Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	52
Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	53
XII. SÀN GIAO DỊCH CEVPHARMA	53

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Điều 57. Thông tin về Sàn Giao dịch CEVPharma.....	53
Điều 58. Đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ	58
XIII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	58
Điều 59. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	58
XIV. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	59
Điều 60. Công nhân viên và công đoàn	59
XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	59
Điều 61. Phân phối lợi nhuận.....	59
XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 60	
Điều 62. Tài khoản ngân hàng	60
Điều 63. Các quỹ	60
Điều 64. Năm tài chính	61
Điều 65. Chế độ kế toán	61
XVII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	61
Điều 66. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	61
Điều 67. Nghĩa vụ Công bố thông tin	62
Điều 68. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty.....	62
Điều 69. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty	62
Điều 70. Tổ chức công bố thông tin.....	62
XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	62
Điều 71. Kiểm toán	62
XIX. CON DẤU.....	63
Điều 72. Con dấu.....	63
XX. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ	63
Điều 73. Giải thể công ty	63
Điều 74. Gia hạn hoạt động.....	63
Điều 75. Thanh lý	63
XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	64
Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ	64
XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	64
Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	64
XXIII. NGÀY HIỆU LỰC.....	65
Điều 78. Ngày hiệu lực	65

Điều lệ được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex được tổ chức vào ngày 05 tháng 12 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **"Công ty"** là **CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX**.
- b. **"Vốn điều lệ"** là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
- c. **"Cổ tức"** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện đúng và đủ các nghĩa vụ tài chính.
- d. **"Cổ đông"** là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một (01) Cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần.
- e. **"Cổ đông sáng lập"** là Cổ đông quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- f. **"Cổ đông lớn"** là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- g. **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021;
- h. **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu, ngày 12 tháng 06 năm 2006;
- i. **"Cán bộ quản lý"** là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý khác trong Công ty (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý các phòng/ban/ bộ phận khác...) được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- j. **"Người có liên quan"** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- k. **"Người đại diện theo ủy quyền"** là một hoặc một số cá nhân được ủy quyền bằng văn bản bởi Cổ đông là tổ chức, nhằm thực hiện các quyền của Cổ đông được đại diện, như theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.
- l. **"Đại hội đồng Cổ đông"** hoặc **"ĐHĐCĐ"** là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được quy định cụ thể tại Chương VII Điều lệ này.
- m. **"Hội đồng quản trị"** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được quy định tại Chương VII.
- n. **"Ban kiểm soát"** có nghĩa là một ban bao gồm các thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định cho mục đích kiểm soát tất cả các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty, được qui định tại Chương X của Điều lệ này.
- o. **"Người biết thông tin nội bộ"** là một trong những người sau: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Cổ đông lớn, Cán bộ quản lý, người kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức, cá nhân trực

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

tiếp hoặc gián tiếp có được thông tin nội bộ từ những đối tượng nêu trên đây.

p. **“Hoạt động kinh doanh”** là những hoạt động của Công ty được ghi nhận tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ này.

q. **“Luật Đầu tư”** có nghĩa là Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, có hiệu lực từ 01/01/2021 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

r. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực từ 01/01/2021 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

s. **“Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán”** là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định tại chương IV của Luật Chứng khoán.

t. **“Trung tâm Lưu ký Chứng khoán”** là tổ chức được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

u. **“Ngày”** có nghĩa là ngày dương lịch.

v. **“Ngày làm việc”** có nghĩa là ngày không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ, ngày tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

w. **“Ngày có hiệu lực”** là ngày mà bản Điều lệ này chính thức có hiệu lực, theo quy định tại Điều 78 của Điều lệ này.

x. **“Năm tài chính”** là năm tài chính của Công ty theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này;

y. **“Pháp luật”** nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 Luật Ban hành Văn bản Quy phạm Pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/06/2015, có hiệu lực từ 01/07/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại thời điểm áp dụng.

z. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

aa. **“Trụ sở đăng ký của Công ty”** là trụ sở chính của Công ty đã được đăng ký với cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

bb. **“Người đại diện theo pháp luật của Công ty”** là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

cc. **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê theo hợp đồng, được quy định tại Điều lệ này.

dd. **“VND”** là Việt Nam Đồng, đơn vị tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

ee. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Việc tham chiếu đến một người sẽ bao gồm cả việc tham chiếu đến một

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

doanh nghiệp, một công ty, công ty hợp danh, liên doanh, thể nhân hoặc bất kỳ một đơn vị, cơ quan Nhà nước nào.

5. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

- Tên tiếng Anh : VIMEDIMEX MEDI-PHARMA JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch/ viết tắt : VIMEDIMEX

2. Công ty là Công ty cổ phần, có tư cách nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty đặt là Tầng 8, Toà nhà Vimedimex Group, số 46-48 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

• Điện thoại: 024.33502032

• Fax: 028 3925 2265

• Địa chỉ thư điện tử (e-mail): vimedimex@vietpharm.com.vn

• Địa chỉ trang website: www.vietpharm.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại những địa bàn trong phạm vi kinh doanh của Công ty để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 73 hoặc được gia hạn hoạt động theo Điều 74 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mỗi Người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể tại Điều lệ này.

2. Phạm vi đại diện của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt và đại diện cho Công ty thực hiện các công việc sau:

- Ký chữ ký ủy quyền của Chủ tài khoản tại các tài khoản ngân hàng của Công ty và Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương;

- Ký chứng từ thu - chi, thanh toán trong hoạt động kế toán và tài chính của Công ty;

- Ký kế hoạch tài chính tuần, tháng, quý, năm;

- Ký duyệt giấy tờ ủy nhiệm chi, lệnh thanh toán và các giấy tờ khác có liên quan đến nghĩa vụ phải trả của Công ty tại ngân hàng, gồm:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

- + Thuế, lợi nhuận phải nộp;
- + Thanh toán cho khách hàng, nhà cung cấp trong/ngoài nước có phương án kinh doanh, hợp đồng hợp lệ;
- + Các giao dịch khác: Mua bán ngoại tệ, giải ngân.
- Giấy giới thiệu
- Ký hóa đơn tài chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của Phòng Kinh doanh dược phẩm, tòa nhà 246 Cống Quỳnh, tòa nhà 45 Võ Thị Sáu;
- Ký phê duyệt chi tiêu nội bộ trên cơ sở đã được Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương và tờ trình chi phí.
- Ký lệnh nhập, xuất hàng hóa;
- Ký tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan đến việc khai báo hải quan;
- Ký đơn đề nghị chuyển cửa khẩu;
- Ký báo cáo hàng nhập, xuất hàng theo tháng, quý, năm cho các cơ quan chức năng;
- Ký đơn hàng nguyên liệu và thành phẩm;
- Ký bảng kê khai giá và giải trình giá gửi các cơ quan chức năng;
- Ký sao y bản chính các văn bản liên quan đến công tác kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế, kho vận, giao nhận, hải quan;
- Ký hóa đơn liên quan đến mảng kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị;
- Ký giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để nộp thuế;
- Ký các hợp đồng, bảo lãnh liên quan đến đấu thầu mua bán dược phẩm, trang thiết bị y tế;
- Đăng ký chữ ký số trên mạng đấu thầu quốc gia.
- Ký báo cáo xác nhận công nợ với khách hàng, nhà cung cấp liên quan đến kinh doanh dược phẩm.
- Ký sao y bản chính các văn bản liên quan đến công tác tài chính.
- Ký báo cáo công nợ của khách hàng, đơn vị thành viên, nhà cung cấp hàng tháng, quý, năm;
- Ký báo cáo thu nợ khách hàng, đơn vị thành viên tháng, quý, năm;
- Ký biên bản xác nhận công nợ khách hàng, nhà cung cấp, đơn vị thành viên tháng, quý, năm;
- Ký tờ khai thuế giá trị gia tăng hàng tháng và tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý;
- Ký sao y bản chính các văn bản liên quan đến công tác tài chính;
- Ký tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan đến việc khai báo hải quan;
- Ký đơn đề nghị chuyển cửa khẩu.

3. Phạm vi đại diện của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được thay mặt và đại diện cho Công ty thực hiện các công việc:

3.1. Đối với công tác tài chính kế toán

- Ký chữ ký chủ tài khoản tại các tài khoản ngân hàng của Công ty và các đơn vị

thành viên;

- Ký chứng từ thu – chi, thanh toán trong hoạt động kế toán và tài chính của Công ty và các đơn vị thành viên.

- Ký duyệt giấy tờ ủy nhiệm chi, lệnh thanh toán và các giấy tờ khác của Công ty và các đơn vị thành viên;

- Quản lý hệ thống tài sản của Công ty được ghi trên Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần, biểu hiện dưới hình thái vật chất như: Trụ sở làm việc, Trung tâm phân phối, nhà xưởng, kho bãi, thiết bị, vật tư hàng hóa và tài sản không thể hiện dưới hình thái vật chất như bản quyền, bằng sáng chế. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm: xây dựng kế hoạch quản lý, mua sắm; cập nhật, nhập mới tài sản; xuất sử dụng tài sản; thu hồi, sửa chữa tài sản; thanh lý tài sản; kiểm kê tài sản.

3.2. Đối với công việc tại Trung tâm phân phối Dược phẩm tại 63 tỉnh thành

*** Quản lý Sàn giao dịch Dược phẩm Vietpharm Online**

- Quản lý hệ thống ecommerce (Front)

- Quản lý hệ thống ecommerce (Backoffice).

*** Quản lý Phòng nghiệp vụ Y Dược và Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex**

- Xây dựng kế hoạch nhập thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế, vật tư tiêu hao và triển khai thực hiện kế hoạch tại các Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex, nhà thuốc của 63 tỉnh thành trên cả nước.

- Thực hiện hoàn thiện hồ sơ, thẩm định và cấp phép nhà thuốc, Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex, kho thuốc đạt tiêu chuẩn GPP, GDP, GSP.

- Xây dựng hệ thống quy trình thao tác chuẩn liên quan đến hoạt động phân phối dược phẩm.

- Xây dựng kế hoạch ra mắt sản phẩm mới được sản xuất tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật liên quan.

- Thực hiện xây dựng chính sách phân phối, chính sách khuyến mại, chính sách xúc tiến, chính sách giá....

- Triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin cho Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex.

- Thông qua Website thương mại điện tử: Cung cấp thông tin đầy đủ về lĩnh vực dược phẩm, giá thành các loại thuốc tương quan với thị trường, có thể trực tiếp tư vấn hoặc tiếp nhận khiếu nại và giải đáp các vấn đề khiếu nại của khách hàng.

- Xây dựng kế hoạch quảng cáo thông qua chương trình hội thảo tại các bệnh viện trên cả nước, để giới thiệu, quảng bá danh mục thuốc nhập khẩu và danh mục thuốc sản xuất trong nước đang được phân phối tại Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex, nhà thuốc của 63 tỉnh thành trên cả nước.

- Phối hợp với Phòng nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 trong việc kiểm soát, phê duyệt tất cả các nội dung liên quan, theo đúng hồ sơ đăng ký cấp phép lưu hành đối với các sản phẩm nhập khẩu, sản

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

phẩm sản xuất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Vimedimex 2 trước khi đưa thông tin lên trang Website: Vietpharm và thực hiện quảng cáo.

- Theo dõi biến động giá thuốc trên thị trường, để làm cơ sở điều chỉnh giá thuốc, điều chỉnh chính sách phân phối.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo NVKD/DS/DSLS của nhà thuốc và Trung tâm phân phối dược phẩm Công ty và Công ty thành viên của Công ty tại 63 tỉnh thành trên cả nước.

- Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc hành nghề dược, thực hành tốt nhà thuốc, Trung tâm phân phối dược phẩm Công ty và Công ty thành viên của Công ty, kho thuốc tại 63 tỉnh thành trên cả nước.

- Hàng tháng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex và Công ty thành viên, nhà thuốc tại 63 tỉnh thành trên cả nước và đưa ra các giải pháp thực hiện tiếp theo.

- Xây dựng kế hoạch khám chữa bệnh và theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Xây dựng kế hoạch, quản lý hệ thống thông tin khách hàng (cư dân) tại các dự án bất động sản do Vimefulland phát triển, theo 08 cấp độ của Bệnh án điện tử.

- Xây dựng chính sách về phí, dịch vụ khám chữa bệnh, định mức vật tư tiêu hao cho từng dịch vụ khám chữa bệnh tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Xây dựng kế hoạch và quản lý nhà cung cấp trong việc bảo trì hệ thống máy móc, thiết bị tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Định kỳ đánh giá nhà cung cấp trong việc nâng cao các giải pháp phát triển công nghệ, đối với hệ thống máy móc thiết bị đang vận hành, để có giải pháp nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đối với bác sỹ, y tá, điều dưỡng, kỹ thuật viên tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Phối hợp với Bệnh viện phổi Trung Ương cũng như hệ thống Bệnh viện trên địa bàn Hà Nội đăng ký hội thảo, hội nghị khoa học về chuyên môn kỹ thuật để quảng cáo và giới thiệu các dịch vụ y tế tại Trung tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa.

- Phối hợp với phòng nghiệp vụ dược trong việc kiểm soát kê đơn thuốc cho bệnh nhân, đồng thời đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc cho người bệnh.

- Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động khám chữa bệnh, đánh giá, phân tích, đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trung

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

tâm khám chữa bệnh theo yêu cầu, Trung tâm xạ trị ung thư tại Bệnh viện phổi Trung Ương và hệ thống phòng khám đa khoa

3.3. Đối với công việc quản lý Phòng Quản lý chất lượng

- Thiết lập và tuân thủ thanh tra hệ thống quản lý chất lượng (QMS).
- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ đối với các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện, duy trì, vận hành Hệ thống QLCL, thực hiện Quy chế Dược chính và các quy định của Công ty liên quan quản lý chất lượng.

- Tham gia công tác tự thanh tra GP's: định kỳ 12 tháng 1 lần tiến hành kiểm tra nội bộ GDP và GSP của Công ty.

- Tiến hành chuẩn bị hồ sơ, tài liệu nộp lên cơ quan chức năng để đăng ký mới, điều chỉnh bổ sung ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh phù hợp theo thủ tục và các quy định của Nhà nước đối với: Giấy đăng ký kinh doanh Dược; Giấy chứng nhận GDP; Giấy chứng nhận GSP.

3.4. Đối với các hoạt động đấu thầu

- Thay mặt và đại diện ký tất cả các văn bản, hồ sơ hoặc tài liệu liên quan đến hoạt động đấu thầu, bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau:

- + Ký đơn dự thầu;
- + Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);
- + Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;
- + Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- + Ký kết Hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn;
- + Ký sao y bản chính các văn bản, hồ sơ tài liệu trong quá trình tham gia đấu thầu; và
- + Các hồ sơ, tài liệu khác phục vụ hoạt động đấu thầu, bao gồm: Ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng, các hồ sơ giao dịch với đối tác của Công ty trong các hoạt động xúc tiến cho việc cung ứng các sản phẩm cho các khách hàng thuộc kênh bệnh viện của các đối tác này trên toàn quốc; và Các công văn giải trình, biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký được quy định ở trên.

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Tham gia các hoạt động khác có liên quan nhằm thực hiện đấu thầu khác.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: mua bán dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, nguyên liệu dược, tinh dầu, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị, vật tư - nguyên liệu phục vụ sản xuất, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa. Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc.	4649	X
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Mua bán hóa chất xét nghiệm, vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất thuốc; Mua bán các loại hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực y tế	4669	
3.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ, sữa, trà, sản phẩm từ sữa, sản phẩm từ trà,	4632	
4.	Quảng cáo chi tiết: quảng cáo thương mại	7310	
5.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa chi tiết: y : nội tổng quát (không hoạt động tại trụ sở)	8620	
6.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc <i>Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già (trừ khám chữa bệnh và không có bệnh nhân lưu trú).</i>	8730	
7.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu chi tiết: sản xuất dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế (trừ sản xuất hóa chất tại trụ sở)	2100	
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống chi tiết: mua bán nông lâm sản nguyên liệu (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TPHCM về phê duyệt kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4620	
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị y tế	4659	
10.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên	9321	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	theo chủ đề (không hoạt động tại trụ sở)		
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt. cho thuê văn phòng và căn hộ	6810	
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết:</i> - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610	
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chi tiết: cho thuê kho, dịch vụ kho vận. Dịch vụ bảo quản thuốc.	5210	
14.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất, chế biến thực phẩm, trà và các sản phẩm từ trà (không sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở).	1079	
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm <i>Chi tiết:</i> - Trồng cây gia vị lâu năm; - Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm.	0128	
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: dịch vụ làm thủ tục hải quan	5229	
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230	
18.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản.	6820	
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510	
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không	5621	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	thường xuyên với khách hàng		
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629	
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
24.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213	
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214	
29.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (trừ hoạt động ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán).	6619	
30.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện		

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty sẽ không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực, ngành, nghề nêu tại khoản 1 Điều này và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm mục tiêu:

- Mang lại lợi nhuận tối đa cho Cổ đông và Công ty;
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động ;
- Thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty cùng với Cermed GmbH có trụ sở tại Uberseeallee 1, 22457 Hamburg, Germany hợp tác nhằm xây dựng, quản lý và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế CEVPharma.

3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Công ty hoạt động trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam khi có điều kiện.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **154.402.680.000 VNĐ (Một trăm năm mươi bốn tỷ bốn trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam).**

Tổng số vốn điều lệ Công ty được chia thành: **15.440.268 (Mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi ngàn hai trăm sáu mươi tám)** cổ phần phổ thông với mệnh giá là: **10.000 VNĐ/Cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần).**

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định tăng vốn điều lệ của công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: tích lũy lợi nhuận mà công ty thu được, các cổ đông đầu tư góp vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty như sau:

TT	Tên cổ đông, địa chỉ	Giấy chứng nhận ĐKKD/CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
	Đại diện vốn Nhà nước: Nguyễn Tiến Hùng (71 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Hà Nội) Lê Thanh Long (033 Lô A Chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh)	011997972 022665110	1.275.000	51%
	Hoàng Thu Hường (2A lầu 1 Phan Phú Tiên, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh)	021617115	140.000	5,6%
	Đại diện vốn cổ đông:	020036817	2.500	0,1%

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

	Nguyễn Thị Ngọc Dung (299 Lê Quang Định, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh)			
	Và 197 cổ đông khác		1.082.500	43,3%
	Tổng cộng:		2.500.000	100%

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp..

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi và mua lại cổ phần

1. Thu hồi cổ phần

a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

c. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

d. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

f. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

2. Mua lại cổ phần

a. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định điểm a khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

b.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại tiết b.3 điểm b khoản 2 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

b.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý chào bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

c. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông tại điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Cổ phần được mua lại theo quy định tại điều này được coi cổ phần chưa bán

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp 2020. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) , thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

V. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

Mục 1. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG

Điều 11. Mệnh giá chứng khoán

1. Mệnh giá chứng khoán chào bán trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ghi bằng Đồng Việt Nam.

2. Mệnh giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chào bán ra công chúng là 10 nghìn đồng. Mệnh giá của trái phiếu chào bán ra công chúng là 100 nghìn đồng và bội số của 100 nghìn đồng.

3. Trường hợp giá chứng khoán của tổ chức phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán thấp hơn mệnh giá, tổ chức phát hành được chào bán chứng khoán với giá thấp hơn mệnh giá.

Điều 12. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng bao gồm chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng, chào bán thêm cổ phiếu hoặc quyền mua cổ phần ra công chúng và các hình thức khác.

2. Chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng bao gồm:

a) Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành;

b) Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để trở thành công ty đại chúng thông qua thay đổi cơ cấu sở hữu nhưng không làm tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành;

c) Kết hợp hình thức quy định tại các điểm a, b khoản này;

d) Chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng để thành lập quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng bao gồm:

a) Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

b) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán thêm chứng chỉ quỹ ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Quỹ đầu tư.

4. Cổ đông của Công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng.

5. Tổ chức phát hành chào bán trái phiếu và các loại chứng khoán khác ra công chúng.

Điều 13. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Điều kiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty bao gồm:

a) Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;

b) Hoạt động kinh doanh của 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;

c) Có phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Tối thiểu là 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn; trường hợp vốn điều lệ của tổ chức phát hành từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

đ) Cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Công ty tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

e) Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;

g) Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;

h) Có cam kết và phải thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;

i) Công ty phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.

2. Điều kiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty bao gồm:

a) Đáp ứng quy định tại các điểm a, c, e, g, h và i khoản 1 Điều này;

b) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán;

c) Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá, trừ trường hợp có bảo lãnh phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành để hoán đổi, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp;

d) Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của Công ty, cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu là

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

70% số cổ phiếu dự kiến chào bán. Công ty phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

3. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

a) Mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;

b) Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;

c) Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

đ) Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;

e) Đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này;

g) Có kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng;

h) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;

i) Tổ chức phát hành có cam kết và phải thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

4. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng áp dụng theo quy định tại khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này.

5. Điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng bao gồm:

a) Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán tối thiểu là 50 tỷ đồng;

b) Có phương án phát hành và phương án đầu tư vốn thu được từ đợt chào bán chứng chỉ quỹ phù hợp với quy định của Luật này;

c) Phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019;

d) Chứng chỉ quỹ chào bán ra công chúng phải được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ mở.

Điều 14. Đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Công ty trước khi chào bán chứng khoán ra công chúng phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp sau đây không phải đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng:

a) Chào bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

b) Chào bán trái phiếu của tổ chức tài chính quốc tế được Chính phủ Việt Nam chấp thuận;

c) Chào bán cổ phiếu ra công chúng để chuyển doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

d) Việc bán chứng khoán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc việc bán chứng khoán của người quản lý hoặc người được nhận tài sản trong trường hợp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán.

Điều 15. Điều kiện thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng

1. Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng là công ty chứng khoán, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán theo quy định của Luật này;

b) Đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Không phải là người có liên quan với tổ chức phát hành.

2. Tổ chức thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán ra công chúng thực hiện bảo lãnh theo phương thức nhận mua một phần hoặc toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành chỉ được phép bảo lãnh phát hành tổng giá trị chứng khoán không được lớn hơn vốn chủ sở hữu và không quá 15 lần hiệu số giữa giá trị tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;

b) Bản cáo bạch;

c) Điều lệ của tổ chức phát hành;

d) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

đ) Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật này;

e) Văn bản cam kết của các cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành về việc cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

g) Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán;

h) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;

i) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

2. Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng Công ty bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;

c) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này;

d) Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp báo cáo tài chính được kiểm toán đã có thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.

3. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;

b) Tài liệu quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;

c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và văn bản cam kết niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

đ) Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này;

e) Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng với công ty chứng khoán;

g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán;

h) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

4. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;

b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, g và h khoản 1, điểm d khoản 2 Điều này và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;

c) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và văn bản cam kết niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc chuyển đổi thành cổ phiếu;

e) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

5. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng bao gồm:

a) Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;

b) Bản cáo bạch;

c) Dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Hợp đồng nguyên tắc về việc giám sát giữa ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; hợp đồng nguyên tắc về việc phân phối; hợp đồng nguyên tắc ký với các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có);

đ) Cam kết bảo lãnh phát hành (nếu có).

6. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng phải kèm theo quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ.

7. Trường hợp một phần hoặc toàn bộ hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận thì tổ chức phát hành phải gửi văn bản xác nhận của tổ chức, cá nhân đó đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8. Các thông tin trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng phải chính xác, trung thực, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến việc quyết định của nhà đầu tư.

9. Tổ chức phát hành khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thì đồng thời phải nộp hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật Chứng khoán năm 2019, trừ trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ mở.

Điều 17. Bản cáo bạch

1. Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin tóm tắt về tổ chức phát hành bao gồm mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và cơ cấu cổ đông (nếu có);

b) Thông tin về đợt chào bán và chứng khoán chào bán bao gồm: điều kiện chào bán, các yếu tố rủi ro, dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của năm gần nhất sau khi phát hành chứng khoán, phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;

c) Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này;

d) Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.

2. Đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, Bản cáo bạch bao gồm các nội dung sau đây:

a) Loại hình và quy mô quỹ đầu tư chứng khoán;

b) Mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư, phương pháp và quy trình đầu tư, hạn chế đầu tư, các yếu tố rủi ro của quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Tóm tắt các nội dung cơ bản của dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Phương án phát hành chứng chỉ quỹ và các thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán;

đ) Thông tin tóm tắt về công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và quy định về giao dịch với người có liên quan của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát;

e) Thông tin khác quy định trong mẫu Bản cáo bạch.

3. Chữ ký trong Bản cáo bạch thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với việc chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc (Giám đốc); Giám đốc tài chính hoặc Kế toán trưởng của tổ chức phát hành; người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có). Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền;

b) Đối với việc chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, Bản cáo bạch phải có chữ ký của những người sau đây: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có). Trường hợp ký thay phải có văn bản ủy quyền.

Điều 18. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính được lập theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Trường hợp tổ chức phát hành là công ty mẹ thì tổ chức phát hành phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.

4. Trường hợp hồ sơ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo tài chính chưa có kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của 02 năm trước liền kề.

5. Trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính gần nhất cách thời điểm gửi hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đầy đủ và hợp lệ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quá 90 ngày, Công ty phải lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Trong thời gian hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đang được xem xét, Công ty có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu phát hiện thông tin không chính xác hoặc còn thiếu nội dung quan trọng theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc thấy cần thiết phải giải trình về vấn đề có thể gây hiểu nhầm.

2. Trong thời gian xem xét hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu Công ty sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng để bảo đảm thông tin được công bố chính xác, trung thực, đầy đủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng mà phát sinh thông tin quan trọng liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, Công ty phải công bố thông tin phát sinh theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này và thực hiện việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Văn bản sửa đổi, bổ sung gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc của những người có cùng chức danh với những người đó.

5. Thời hạn xem xét hồ sơ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được văn bản sửa đổi, bổ sung đầy đủ và hợp lệ.

Điều 20. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là văn bản xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.

4. Chứng khoán chỉ được chào bán ra công chúng sau khi đã công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 21. Phân phối chứng khoán

1. Việc phân phối chứng khoán chỉ được thực hiện sau khi Công ty bảo đảm người mua chứng khoán tiếp cận Bản cáo bạch trong hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng được công bố tại các địa điểm ghi trong Bản thông báo phát hành.

2. Công ty, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức đại lý phải phân phối chứng khoán công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày; trừ trường hợp chứng khoán chào bán là chứng quyền có bảo đảm, thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành.

Trường hợp số lượng chứng khoán đăng ký mua vượt quá số lượng chứng khoán được phép phát hành thì Công ty hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành phải phân phối hết số chứng khoán được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

3. Tiền mua chứng khoán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty phải hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày. Trường hợp đăng ký chào bán chứng khoán cho nhiều đợt thì khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

5. Công ty hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành phải báo cáo kết quả đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

6. Công ty, tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ chức đại lý phải chuyển giao chứng khoán hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu chứng khoán cho người mua trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Mục 2. CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RIÊNG LẺ

Điều 22. Chào bán chứng khoán riêng lẻ

1. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của bao gồm:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng nhà đầu tư;

b) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

c) Việc chuyển nhượng cổ phiếu chào bán riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi chào bán riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền chào bán riêng lẻ bị hạn chế tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;

d) Các đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán gần nhất;

đ) Việc chào bán cổ phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, số lượng, nhà đầu tư;

b) Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;

c) Việc chuyển nhượng trái phiếu chào bán riêng lẻ chỉ được thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật;

d) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

e) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 23. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:

a) Phương án phát hành nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; số lượng nhà đầu tư; nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết. Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động tiền để thực hiện dự án, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán cổ phiếu của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Đối với việc chào bán cổ phiếu của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán.

8. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư (nếu có).

9. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).

Điều 24. Điều kiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá

1. Đối tượng tham gia đợt chào bán chỉ bao gồm nhà đầu tư chiến lược và việc chuyển nhượng cổ phiếu bị hạn chế tối thiểu là 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Việc phát hành phải đảm bảo không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, d và đ khoản 1 Điều 22 Điều lệ này, các khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 25. Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ với giá thấp hơn mệnh giá

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, trong đó:

a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; danh sách nhà đầu tư chiến lược và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Trường hợp trong phương án phát hành không nêu cụ thể giá chào bán, nguyên tắc xác định giá chào bán thì giá chào bán được xác định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Trường hợp đợt chào bán nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện dự án.

2. Bảng thống kê giá tham chiếu cổ phiếu của 60 ngày giao dịch liên tiếp liền trước ngày chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến hoặc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành có xác nhận của 01 công ty chứng khoán.

3. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

4. Tài liệu quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 23 Điều lệ này.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Điều 26. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Ban Tổng Giám đốc.
5. Trưởng/phó phòng/ban trực thuộc công ty.

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông đủ có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông cùng nhau nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 28. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp ;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch sau:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

(i) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ tại Mục (ii) dưới đây;

(ii) Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

(iii) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 32. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34, 35 và 36 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 33. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 34. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội

đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 36. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 6 Điều này:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Dự án đầu tư, các giao dịch mua, bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm

soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị .

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết ;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một

phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 36 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này và các quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty hoặc lĩnh vực chuyên ngành mà Đại hội đồng cổ đông xét thấy cần thiết cho hoạt động của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c. Thành viên Hội đồng Quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội

đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;

b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;

c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một cá nhân khác có đủ tiêu chuẩn và điều kiện của một thành viên Hội đồng quản trị để thay thế mình thực hiện các công việc, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật, với điều kiện là việc ủy quyền đó được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 42. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm r khoản 2 Điều 30 Điều lệ này;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 43. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 44. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành các quyết định khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác

do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

3. Nghĩa vụ chung của Người quản lý Công ty:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/ hoặc Hội đồng quản trị;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, lợi thế có được từ chức vụ của mình và/hoặc tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc thực hiện các hoạt động có lợi ích xung đột, chống lại lợi ích Công ty, trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ có quy định khác đi;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

e. Công khai các lợi ích liên quan:

- Người quản lý Công ty phải công khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ.

- Việc kê khai quy định tại Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Việc kê khai quy định Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Cổ đông, Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

- Hội đồng quản trị sẽ ban hành quy định chi tiết và cụ thể danh sách những cá nhân nào trong Công ty phải công khai lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều này.

4. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 48. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành và mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc điều hành.

b. Tổng giám đốc điều hành là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao

c. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

d. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

(i) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

(ii) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

(iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

(iv) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

(v) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

(vi) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

(vii) Tuyển dụng lao động;

(viii) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

(ix) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

e. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

2. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

a. Hội đồng quản trị quản lý Công ty thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng là cơ quan quản lý Công ty thông qua việc giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị;

c. Tổng Giám đốc điều hành Công ty bằng việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng Cổ đông;

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không được can thiệp, cản trở, áp đặt, khống chế các hành động và quyết định của Tổng Giám đốc, trừ khi các quyền đó được chỉ rõ trong từng trường hợp theo quy định của Điều lệ này là được phép, hoặc trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ bằng chứng, chứng cứ hợp pháp chứng minh rằng hành động của Tổng Giám đốc đã và đang vi phạm Pháp luật, vi phạm các quy định của Điều lệ này dẫn đến hoặc có nguy cơ dẫn đến gây thiệt hại hoặc chống lại lợi ích của Công ty.

e. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo hoặc kiểm tra, thanh tra đột xuất thì:

(i) Các thành viên Hội đồng quản trị phải thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền để thông báo yêu cầu báo cáo hoặc kiểm tra, thanh tra đột xuất cho Tổng giám đốc;

(ii) Tổng Giám đốc khi nhận được yêu cầu, thông báo nói tại điểm a khoản này phải lập kế hoạch, phương án giải quyết thích hợp và báo cáo Hội đồng quản trị xem xét;

f. Ngoại trừ những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thì tất cả những ý kiến chỉ đạo, ý kiến đóng góp của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị cho và liên quan đến phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty chỉ mang tính chất tư vấn, tham mưu, không có tính cưỡng chế bắt buộc thi hành. Tất cả các ý kiến chỉ đạo đó phải được lập thành văn bản.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên hội đồng quản trị, thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, các chuyên gia, nhà tư vấn của Hội đồng quản trị được quyền tham gia nghiên cứu, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty một cách độc lập hoặc cùng với người lao động Công ty để thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra hoặc tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành Công ty.

3. Các Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương

a. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm những Người quản lý của Công ty, bao gồm các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty con, Giám đốc Chi nhánh.....

b. Các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều này không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và bao gồm nhưng không giới hạn ở những người đang giữ chức vụ Tổng giám đốc hoặc Giám đốc cho doanh nghiệp khác, hoặc những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác.

c. Các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều này phải là người có trình độ từ Cao đẳng trở lên hoặc là người có trình độ chuyên môn, có năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp;

Các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều này thực hiện quyền và nghĩa vụ, tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Điều 49. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử

dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 56. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

XII. SÀN GIAO DỊCH CEVPHARMA

Điều 57. Thông tin về Sàn Giao dịch CEVPharma

1. Sàn Giao dịch CEVPharma là Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc Tế CEVPharma B2B được sáng lập bởi Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và Cermed GmbH có trụ sở tại Uberseeallee 1, 22457 Hamburg, Germany.

2. **Trụ sở chính:** Tầng 1, CT3 Mễ Trì, phường Mễ Trì Thượng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Cơ cấu tổ chức của CEVPharma

STT	Cơ cấu tổ chức	Chức năng hoạt động	Nhân sự của CEVPharma
1	Hội đồng quản lý	Hội đồng quản lý là chủ thể cao nhất của CEVPharma, quyết định mọi hoạt động kinh doanh và quản lý vận	Hội đồng quản lý gồm 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT và 01 Phó chủ tịch HĐQT và 03

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

STT	Cơ cấu tổ chức	Chức năng hoạt động	Nhân sự của CEVPharma
		hành CEVPharma.	thành viên HĐQT
2	Giám đốc	Thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành hệ thống giao dịch thương mại điện tử B2B trên Website: cevpharma.com.vn theo các quyết định và chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản lý phê duyệt	Hội đồng quản lý tuyển dụng và bổ nhiệm.
3	Các Phòng: CNTT, Marketing &CSKH; Xuất nhập khẩu; Thanh toán; TTPP Vimedimex	Hội đồng quản lý quyết định chức năng, nhiệm vụ và phân cấp, ủy quyền các Phòng: Kinh doanh, Marketing &CSKH; Xuất nhập khẩu; Thanh toán; TTPP Vimedimex; CNTT	Giám đốc bổ nhiệm

4. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh trên website:cevpharma.com.vn

Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc tế CEVPharma là **Website: cevpharma.com.vn** trên nền tảng ứng dụng phần mềm ERP Oracle Netsuitie; Desktop website; Mobile website, Mobile App; Oracle Netsuitie TMS và Salesforce CDP cung cấp các dịch vụ giao dịch thương mại điện tử B2B (trực tuyến)

4.1. Các dịch vụ chung

- Khởi tạo, duy trì Gian Hàng Chính Hãng trực tuyến trên Website: cevpharma.com.vn.

- Trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng Việt Nam, Nước ngoài tại Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex **Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ.**

- Hỗ trợ xử lý hàng đổi/trả cho KHM;

- Nhận chuyển khoản từ Khách hàng mua thay mặt cho Nhà bán hàng

4.2. Các dịch vụ kinh doanh giao dịch bán buôn trực tuyến tại Gian Hàng Chính Hãng của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp, Nhà phân phối Việt Nam và Nước ngoài được cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa, nhóm hàng hóa, bao gồm:

- **Thuốc** (Thuốc hóa dược, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vắc xin và sinh phẩm.)

- **Nguyên liệu làm thuốc**(Dược chất, dược liệu, tá dược, vỏ nang)

- **Thực phẩm chức năng** (thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học)

- **Mỹ phẩm** (mỹ phẩm thông dụng và dược mỹ phẩm)

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

- **Thiết bị y tế** (thiết bị y tế thông dụng và thiết bị y tế chuyên sâu),
- **Thiết bị làm đẹp** (Thiết bị làm đẹp cá nhân và thiết bị làm đẹp tại Spa)
- **Vật tư tiêu hao** (Vật tư tiêu hao thông thường và vật tư tiêu hao, vật tư y tế thay thế trong khám chữa bệnh)
- **Hàng tiêu dùng của mẹ và bé** (Hàng tiêu dùng cho mẹ bầu và sau sinh; Hàng tiêu dùng cho bé (Bim sữa và tã, quần áo sơ sinh, Đồ chơi- học tập, Thực phẩm và đồ ăn dặm, Nôi- Giường- cũi)

4.3. Các dịch vụ tư vấn trên website:cevpharma.com.vn

- Dịch vụ tư vấn marketing B2B;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế Gian Hàng Chính Hãng, thiết kế tờ rơi, Catalogue, Banner, khác, quảng cáo trên Website: cevpharma.com.vn;
- Dịch vụ tư vấn trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng tại TTPP Vimedimex Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ.
- Dịch vụ tư vấn quản lý truyền thông..

4.4. Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp dịch vụ đa dạng và linh hoạt theo từng yêu cầu của NBH/KHM:

Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp hệ thống kho hàng, bến bãi, phòng lạnh kiểm soát nhiệt độ đạt tiêu chuẩn GSP, giúp NBH/KHM hoàn toàn yên tâm về chất lượng hàng hóa của mình.

(1) Cung cấp dịch vụ cho thuê kho mát chuẩn GSP tại 63 tỉnh thành HIỆN ĐẠI CHẤT LƯỢNG nhằm giúp NBH/KHM giải quyết vấn đề giảm chi phí kho bãi đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn ngày càng tăng cao, **Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma** đã cho ra đời dịch vụ cho thuê kho mát đạt tiêu chuẩn GSP bao gồm các biện pháp đảm bảo điều kiện bảo quản đặc biệt đạt chuẩn: **(1)** Kho lạnh: Nhiệt độ không vượt quá 8 độ C; **(2)** Tủ lạnh: Nhiệt độ trong khoảng 2-8 độ C; **(3)** Kho đông lạnh: Nhiệt độ không được vượt quá - 10 độ C; **(4)** Kho mát: Nhiệt độ trong khoảng 8-15 độ C; **(5)** Kho nhiệt độ phòng: Nhiệt độ trong khoảng 15-25 độ C, trong từng khoảng thời gian nhiệt độ có thể lên đến 30 độ C.

(2) Quản lý mạng lưới vận chuyển nội địa và quốc tế: Việc kết hợp vận tải đa phương tiện, tính toán tối ưu hóa lộ trình, cho phép giám sát nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển, cung cấp dịch vụ chuyển hàng không qua lưu kho đã giúp Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma vừa rút ngắn thời gian trung chuyển, vừa yên tâm về chất lượng hàng hóa: **(1) Dịch vụ vận chuyển:** Nhận hàng và di chuyển, vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước; **(2) Dịch vụ quản lý kho hàng:** Lưu trữ, sắp xếp, quản lý, bảo trì hàng hóa trong kho một cách tự động và có hệ thống; **(3) Dịch vụ quản lý quá trình vận chuyển:** Điều hành, giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa về vị trí, tiến độ vận chuyển, tình trạng hàng hóa, thậm chí phát cảnh báo khi có vấn đề phát sinh; **(4) Dịch vụ xử lý hàng tồn:** Phân phối hàng tồn kho tới khách hàng mua

(3) Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng gồm: **(1)** Cung cấp giải pháp đóng gói tùy chỉnh theo yêu cầu khách hàng (đóng gói đá khô, cách nhiệt, làm lạnh sơ bộ và làm lạnh lại); **(2)** Cung cấp thiết bị xếp/dỡ hàng lên máy bay, xe tải, container,...; **(3)**

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Tư vấn điều kiện mua hàng và thủ tục xuất nhập khẩu theo chính sách hiện hành của Nhà nước; (4) Làm thủ tục xuất khẩu ở đầu nước ngoài; (6) Làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm; (7) Làm hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng Nhà nước; (8) Làm thủ tục thông quan; (9) Ủy thác xuất, nhập khẩu; (10) Chính sách bảo hiểm và đảm bảo an ninh; (12) Quản trị rủi ro; (13) Cung cấp dịch vụ nhận hàng theo điều kiện EXW (14) Dịch vụ thu hộ (COD) trước khi giao hàng cho KHM

4.5. Các dịch vụ kinh doanh có điều kiện: Thuốc, Nguyên liệu làm thuốc của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp Nước ngoài chỉ được quyền nhập khẩu nhưng không được thực hiện quyền phân phối tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 10, Điều 91, Nghị Định số: 54/2017/CP-CP:

- Khởi tạo, duy trì Gian Hàng Chính Hãng của Nhà sản xuất, Nhà cung ứng Nước ngoài trên website: cevpharma.com.vn.

- Trưng bày, giới thiệu Gian Hàng Chính Hãng của Nhà bán hàng Việt Nam, Nước ngoài tại Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex **Hà Nội, TPHCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ.**

- **Cung cấp dịch vụ giao dịch bán buôn trực tuyến tại Gian Hàng Chính Hãng** của Nhà sản xuất, Nhà cung cấp Nước ngoài trên website: cevpharma.com.vn

- **Cung cấp dịch vụ đấu thầu** tại tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Bộ y tế /Sở y tế/Bệnh viện

- **Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma cung cấp dịch vụ đa dạng và linh hoạt theo từng yêu cầu của NBH/KHM:**

Trên nền tảng ứng dụng phần mềm ERP Oracle Netsuite; Desktop website; Mobile website, Mobile App; Oracle Netsuite TMS và Salesforce CDP cung cấp các dịch vụ giao dịch thương mại điện tử B2B (trực tuyến) **Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma** cung cấp hệ thống kho hàng, bến bãi, phòng lạnh kiểm soát nhiệt độ đạt tiêu chuẩn GSP, giúp NBH/KHM hoàn toàn yên tâm về chất lượng hàng hóa của mình.

(+) Cung cấp dịch vụ cho thuê kho mát chuẩn GSP tại 63 tỉnh thành HIỆN ĐẠI CHẤT LƯỢNG nhằm giúp NBH/KHM giải quyết vấn đề giảm chi phí kho bãi đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn ngày càng tăng cao, **Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma** đã cho ra đời dịch vụ cho thuê kho mát đạt tiêu chuẩn GSP bao gồm các biện pháp đảm bảo điều kiện bảo quản đặc biệt đạt chuẩn: (1) Kho lạnh: Nhiệt độ không vượt quá 8 độ C; (2) Tủ lạnh: Nhiệt độ trong khoảng 2-8 độ C; (3) Kho đông lạnh: Nhiệt độ không được vượt quá - 10 độ C; (4) Kho mát: Nhiệt độ trong khoảng 8-15 độ C; (5) Kho nhiệt độ phòng: Nhiệt độ trong khoảng 15-25 độ C, trong từng khoảng thời gian nhiệt độ có thể lên đến 30 độ C.

(+) Quản lý mạng lưới vận chuyển nội địa và quốc tế: Việc kết hợp vận tải đa phương tiện, tính toán tối ưu hóa lộ trình, cho phép giám sát nhiệt độ trong suốt quá trình vận chuyển, cung cấp dịch vụ chuyển hàng không qua lưu kho đã giúp Trung tâm Logistics 3PL CEVPharma vừa rút ngắn thời gian trung chuyển, vừa yên tâm về chất lượng hàng hóa: (1) **Dịch vụ vận chuyển:** Nhận hàng và di chuyển, vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước; (2) **Dịch vụ quản lý kho hàng:** Lưu trữ, sắp xếp, quản lý,

bảo trì hàng hóa trong kho một cách tự động và có hệ thống; **(3) Dịch vụ quản lý quá trình vận chuyển:** Điều hành, giám sát quá trình vận chuyển hàng hóa về vị trí, tiến độ vận chuyển, tình trạng hàng hóa, thậm chí phát cảnh báo khi có vấn đề phát sinh; **(4) Dịch vụ xử lý hàng tồn:** Phân phối hàng tồn kho tới khách hàng mua

(+) Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng gồm: **(1)** Cung cấp giải pháp đóng gói tùy chỉnh theo yêu cầu khách hàng (đóng gói đá khô, cách nhiệt, làm lạnh sơ bộ và làm lạnh lại); **(2)** Cung cấp thiết bị xếp/dỡ hàng lên máy bay, xe tải, container,...; **(3)** Tư vấn điều kiện mua hàng và thủ tục xuất nhập khẩu theo chính sách hiện hành của Nhà nước; **(4)** Làm thủ tục xuất khẩu ở đầu nước ngoài; **(6)** Làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm; **(7)** Làm hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng Nhà nước; **(8)** Làm thủ tục thông quan; **(9)** Ủy thác xuất, nhập khẩu; **(10)** Chính sách bảo hiểm và đảm bảo an ninh; **(12)** Quản trị rủi ro; **(13)** Cung cấp dịch vụ nhận hàng theo điều kiện EXW **(14)** Dịch vụ thu hộ (COD) trước khi giao hàng cho KHM

5. Trách nhiệm của Sàn giao dịch thương mại điện tử Quốc tế CEVPharma và cung cấp dịch vụ thương mại điện tử B2B đảm bảo thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 36 Nghị định 52/2013/NĐ-CP. Bao gồm:

- Thiết lập Website: cevpharma.com.vn cung cấp dịch vụ giao dịch thương mại điện tử và công bố các thông tin đã đăng ký trên trang chủ Website: cevpharma.com.vn

- Xây dựng và công bố công khai trên Website: cevpharma.com.vn Quy chế hoạt động của CEVPharma; theo dõi và bảo đảm việc thực hiện quy chế trên Website: cevpharma.com.vn

- Lưu trữ thông tin đăng ký của tổ chức, cá nhân tham gia truy cập Website: cevpharma.com.vn và thường xuyên cập nhật những thông tin thay đổi, bổ sung có liên quan.

- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, cung cấp thông tin đăng ký, lịch sử giao dịch và các tài liệu khác về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên website: cevpharma.com.vn.

- Yêu cầu Nhà sản xuất, Nhà cung cấp, Nhà phân phối là **Nhà bán hàng** trên website: cevpharma.com.vn cung cấp thông tin khi đăng ký sử dụng dịch vụ TMĐT B2B.

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của Nhà bán hàng trên Website:cevpharma.com.vn được thực hiện chính xác, đầy đủ.

- Thiết lập cơ chế cho phép Nhà bán hàng tham gia giao dịch trực tuyến trên website:cevpharma.com.vn được giao kết hợp đồng đặt Đơn hàng trực tuyến.

- Áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh trên website cevpharma.com.vn và thông tin của Khách hàng mua.

- Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên website:cevpharma.com.vn.

- Công bố công khai cơ chế giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao dịch mua bán trực tuyến trên website: cevpharma.com.vn. Khi khách hàng mua

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

giao dịch trực tuyến trên website: cevpharma.com.vn phát sinh mâu thuẫn với Nhà bán hàng hoặc bị tổn hại lợi ích hợp pháp, CEVPharma phải cung cấp cho khách hàng mua thông tin về Nhà bán hàng, tích cực hỗ trợ khách hàng mua bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của KHM.

Điều 58. Đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ

1. Công ty chỉ định cho Công ty TNHH Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex là đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp dịch vụ: giao dịch bán buôn trực tuyến trên website:cevpharma.com.vn.

2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty và người quản lý của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến Sàn giao dịch CEVPharma theo đúng thẩm quyền và đảm bảo mô hình hoạt động của Sàn giao dịch CEVPharma đã được quy định tại các văn bản, thỏa thuận đã ký với Cermed Gmbh, Công ty TNHH Trung tâm phân phối dược phẩm Vimedimex và Điều lệ này.

XIII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 59. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIV. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 60. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XV. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính như sau: nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Mức cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông

Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chia trả cổ tức.

Trong trường hợp một Cổ đông không nhận được cổ tức trong vòng một (01) năm kể từ ngày chi trả cổ tức và được xác định là đã chết hoặc mất tích, thì Hội đồng quản trị sẽ thông báo cho người thừa kế hoặc người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ đông đó. Khi đó, cổ tức mà Cổ đông đó có quyền nhận sẽ được chi trả cho người kế thừa hoặc người quản lý tài sản hợp pháp của Cổ đông đó trên cơ sở các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực

thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận một phần hoặc toàn bộ cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XVI. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 62. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 63. Các quỹ

1. Nguyên tắc trích lập quỹ

a. Việc trích lập quỹ phải thực hiện theo các quy định của Pháp luật và theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị.

b. Hội đồng quản trị có quyền chủ động quyết định tỷ lệ và giá trị trích quỹ hàng năm đối với từng loại quỹ của Công ty, miễn là phù hợp với quy định của từng loại quỹ theo Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

c. Ngoài các quỹ được quy định tại khoản 2,3,4 điều này, nếu có kế hoạch thiết

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

lập và xây dựng các quỹ khác, Hội đồng quản trị có nghĩa vụ xây dựng phương án chi tiết và cụ thể về quỹ đó và trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua trong các phiên họp thường niên.

2. Quỹ dự trữ và bổ sung Vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty một khoản vào Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Công ty.

3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Hàng năm Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty một khoản không vượt quá 7% (bảy phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Công ty để làm Quỹ khen thưởng và phúc lợi.

4. Quỹ đầu tư phát triển

Hàng năm Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty một khoản không vượt quá 10% (mười phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế của Công ty để làm Quỹ đầu tư phát triển.

Điều 64. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 65. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán đặc thù được Cơ quan có thẩm quyền ban hành và chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 66. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 67. Nghĩa vụ Công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán năm 2019, và Điều lệ này nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 68. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty

Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 69. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 70. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

XVIII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 71. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XIX. CON DẤU

Điều 72. Con dấu

Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

1. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh công ty và văn phòng đại diện.
2. Hội đồng quản trị sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công ty có ba (03) con dấu chính thức.

XX. GIẢI THỂ CÔNG TY VÀ THANH LÝ

Điều 73. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 74. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 75. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ít nhất ba (03) thành viên. Trong đó có ít nhất hai (02) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước

XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi ba (23) chương, bảy mươi tám (78) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex nhất trí thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại Hà Nội, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Xuân Tùng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Mỹ Linh

